

# ベトナム語の数の数え方, 0から100までの全リスト (カタカナ発音および声調の図解付き)

桁ごとの不規則変化をしっかりと覚えるための一覧表

Web版は [こちら](#)

ベトナム語 (つなげて書いたもの)	数字	十の位	「十」	一の位
không	0			không
một	1			một
hai	2			hai
ba	3			ba
bốn	4			bốn
năm	5			năm
sáu	6			sáu
bảy	7			bảy
tám	8			tám
chín	9			chín
mười	10		mười	
mười một	11		mười	một
mười hai	12		mười	hai
mười ba	13		mười	ba
mười bốn	14		mười	bốn
mười lăm	15		mười	<b>lăm</b>
mười sáu	16		mười	sáu
mười bảy	17		mười	bảy
mười tám	18		mười	tám
mười chín	19		mười	chín

10代からは  
NがLに変化

数字	カナ	十の位 カナと声調	「十」 カナと声調	一の位 カナと声調
0	ホン			ホン 〰
1	モツ			モツ ↓
2	ハイ			ハイ 〰
3	バー			バー 〰
4	ボン			ボン ↗
5	ナム			ナム 〰
6	サウ			サウ ↗
7	バイ			バイ ↘
8	タム			タム ↗
9	チン			チン ↗
10	ムイ		ムイ 〰	
11	ムイモツ		ムイ 〰	モツ ↓
12	ムイハイ		ムイ 〰	ハイ 〰
13	ムイバー		ムイ 〰	バー 〰
14	ムイボン		ムイ 〰	ボン ↗
15	ムイラム		ムイ 〰	ラム 〰
16	ムイサウ		ムイ 〰	サウ ↗
17	ムイバイ		ムイ 〰	バイ ↘
18	ムイタム		ムイ 〰	タム ↗
19	ムイチン		ムイ 〰	チン ↗

hai mươi	20	hai	mười	
hai mươi một	21	hai	mười	một
hai mươi hai	22	hai	mười	hai
hai mươi ba	23	hai	mười	ba
hai mươi tư	24	hai	mười	tư
hai mươi lăm	25	hai	mười	lăm
hai mươi sáu	26	hai	mười	sáu
hai mươi bảy	27	hai	mười	bảy
hai mươi tám	28	hai	mười	tám
hai mươi chín	29	hai	mười	chín
ba mươi	30	ba	mười	
ba mươi một	31	ba	mười	một
ba mươi hai	32	ba	mười	hai
ba mươi ba	33	ba	mười	ba
ba mươi tư	34	ba	mười	tư
ba mươi lăm	35	ba	mười	lăm
ba mươi sáu	36	ba	mười	sáu
ba mươi bảy	37	ba	mười	bảy
ba mươi tám	38	ba	mười	tám
ba mươi chín	39	ba	mười	chín

20からは  
声調が変化

21からは  
声調が変化

24からは  
一の位の  
「4」が変化

20	ハイムイ	ハイ	ムイ	
21	ハイムイモツ	ハイ	ムイ	モツ /
22	ハイムイハイ	ハイ	ムイ	ハイ
23	ハイムイバー	ハイ	ムイ	バー
24	ハイムイトウウ	ハイ	ムイ	トウウ
25	ハイムイラム	ハイ	ムイ	ラム
26	ハイムイサウ	ハイ	ムイ	サウ /
27	ハイムイバイ	ハイ	ムイ	バイ \
28	ハイムイタム	ハイ	ムイ	タム /
29	ハイムイチン	ハイ	ムイ	チン /
30	バームイ	バー	ムイ	
31	バームイモツ	バー	ムイ	モツ /
32	バームイハイ	バー	ムイ	ハイ
33	バームイバー	バー	ムイ	バー
34	バームイトウウ	バー	ムイ	トウウ
35	バームイラム	バー	ムイ	ラム
36	バームイサウ	バー	ムイ	サウ /
37	バームイバイ	バー	ムイ	バイ \
38	バームイタム	バー	ムイ	タム /
39	バームイチン	バー	ムイ	チン /

bốn mươi	40	bốn	mười	
bốn mươi một	41	bốn	mười	một
bốn mươi hai	42	bốn	mười	hai
bốn mươi ba	43	bốn	mười	ba
bốn mươi tư	44	bốn	mười	tư
bốn mươi lăm	45	bốn	mười	lăm
bốn mươi sáu	46	bốn	mười	sáu
bốn mươi bảy	47	bốn	mười	bảy
bốn mươi tám	48	bốn	mười	tám
bốn mươi chín	49	bốn	mười	chín
năm mươi	50	năm	mười	
năm mươi một	51	năm	mười	một
năm mươi hai	52	năm	mười	hai
năm mươi ba	53	năm	mười	ba
năm mươi tư	54	năm	mười	tư
năm mươi lăm	55	năm	mười	lăm
năm mươi sáu	56	năm	mười	sáu
năm mươi bảy	57	năm	mười	bảy
năm mươi tám	58	năm	mười	tám
năm mươi chín	59	năm	mười	chín

40	ボンムイ	ボン /	ムイ →	
41	ボンムイモツ	ボン /	ムイ →	モツ /
42	ボンムイハイ	ボン /	ムイ →	ハイ →
43	ボンムイバー	ボン /	ムイ →	バー →
44	ボンムイトウウ	ボン /	ムイ →	トウウ →
45	ボンムイラム	ボン /	ムイ →	ラム →
46	ボンムイサウ	ボン /	ムイ →	サウ /
47	ボンムイバイ	ボン /	ムイ →	バイ ↘
48	ボンムイタム	ボン /	ムイ →	タム /
49	ボンムイチン	ボン /	ムイ →	チン /
50	ナムムイ	ナム →	ムイ →	
51	ナムムイモツ	ナム →	ムイ →	モツ /
52	ナムムイハイ	ナム →	ムイ →	ハイ →
53	ナムムイバー	ナム →	ムイ →	バー →
54	ナムムイトウウ	ナム →	ムイ →	トウウ →
55	ナムムイラム	ナム →	ムイ →	ラム →
56	ナムムイサウ	ナム →	ムイ →	サウ /
57	ナムムイバイ	ナム →	ムイ →	バイ ↘
58	ナムムイタム	ナム →	ムイ →	タム /
59	ナムムイチン	ナム →	ムイ →	チン /

sáu mươi	<b>60</b>	sáu	mười	
sáu mươi một	<b>61</b>	sáu	mười	<b>một</b>
sáu mươi hai	<b>62</b>	sáu	mười	hai
sáu mươi ba	<b>63</b>	sáu	mười	ba
sáu mươi tư	<b>64</b>	sáu	mười	<b>tư</b>
sáu mươi lăm	<b>65</b>	sáu	mười	<b>lăm</b>
sáu mươi sáu	<b>66</b>	sáu	mười	sáu
sáu mươi bảy	<b>67</b>	sáu	mười	bảy
sáu mươi tám	<b>68</b>	sáu	mười	tám
sáu mươi chín	<b>69</b>	sáu	mười	chín
bảy mươi	<b>70</b>	bảy	mười	
bảy mươi một	<b>71</b>	bảy	mười	<b>một</b>
bảy mươi hai	<b>72</b>	bảy	mười	hai
bảy mươi ba	<b>73</b>	bảy	mười	ba
bảy mươi tư	<b>74</b>	bảy	mười	<b>tư</b>
bảy mươi lăm	<b>75</b>	bảy	mười	<b>lăm</b>
bảy mươi sáu	<b>76</b>	bảy	mười	sáu
bảy mươi bảy	<b>77</b>	bảy	mười	bảy
bảy mươi tám	<b>78</b>	bảy	mười	tám
bảy mươi chín	<b>79</b>	bảy	mười	chín

<b>60</b>	<b>サウムイ</b>	サウ /	ムイ 一	
<b>61</b>	<b>サウムイモツ</b>	サウ /	ムイ 一	モツ /
<b>62</b>	<b>サウムイハイ</b>	サウ /	ムイ 一	ハイ 一
<b>63</b>	<b>サウムイバー</b>	サウ /	ムイ 一	バー 一
<b>64</b>	<b>サウムイトウウ</b>	サウ /	ムイ 一	トウウ 一
<b>65</b>	<b>サウムイラム</b>	サウ /	ムイ 一	ラム 一
<b>66</b>	<b>サウムイサウ</b>	サウ /	ムイ 一	サウ /
<b>67</b>	<b>サウムイバイ</b>	サウ /	ムイ 一	バイ 一
<b>68</b>	<b>サウムイタム</b>	サウ /	ムイ 一	タム /
<b>69</b>	<b>サウムイチン</b>	サウ /	ムイ 一	チン /
<b>70</b>	<b>バイムイ</b>	バイ 一	ムイ 一	
<b>71</b>	<b>バイムイモツ</b>	バイ 一	ムイ 一	モツ /
<b>72</b>	<b>バイムイハイ</b>	バイ 一	ムイ 一	ハイ 一
<b>73</b>	<b>バイムイバー</b>	バイ 一	ムイ 一	バー 一
<b>74</b>	<b>バイムイトウウ</b>	バイ 一	ムイ 一	トウウ 一
<b>75</b>	<b>バイムイラム</b>	バイ 一	ムイ 一	ラム 一
<b>76</b>	<b>バイムイサウ</b>	バイ 一	ムイ 一	サウ /
<b>77</b>	<b>バイムイバイ</b>	バイ 一	ムイ 一	バイ 一
<b>78</b>	<b>バイムイタム</b>	バイ 一	ムイ 一	タム /
<b>79</b>	<b>バイムイチン</b>	バイ 一	ムイ 一	チン /

tám mươi	80	tám	mười	
tám mươi một	81	tám	mười	một
tám mươi hai	82	tám	mười	hai
tám mươi ba	83	tám	mười	ba
tám mươi tư	84	tám	mười	tư
tám mươi lăm	85	tám	mười	lăm
tám mươi sáu	86	tám	mười	sáu
tám mươi bảy	87	tám	mười	bảy
tám mươi tám	88	tám	mười	tám
tám mươi chín	89	tám	mười	chín
chín mươi	90	chín	mười	
chín mươi một	91	chín	mười	một
chín mươi hai	92	chín	mười	hai
chín mươi ba	93	chín	mười	ba
chín mươi tư	94	chín	mười	tư
chín mươi lăm	95	chín	mười	lăm
chín mươi sáu	96	chín	mười	sáu
chín mươi bảy	97	chín	mười	bảy
chín mươi tám	98	chín	mười	tám
chín mươi chín	99	chín	mười	chín

một trăm	100	một	trăm	
----------	-----	-----	------	--

80	タムムイ	タム /	ムイ ー	
81	タムムイモツ	タム /	ムイ ー	モツ /
82	タムムイハイ	タム /	ムイ ー	ハイ ー
83	タムムイバー	タム /	ムイ ー	バー ー
84	タムムイトウウ	タム /	ムイ ー	トウウ ー
85	タムムイラム	タム /	ムイ ー	ラム ー
86	タムムイサウ	タム /	ムイ ー	サウ /
87	タムムイバイ	タム /	ムイ ー	バイ ㄨ
88	タムムイタム	タム /	ムイ ー	タム /
89	タムムイチン	タム /	ムイ ー	チン /
90	チンムイ	チン /	ムイ ー	
91	チンムイモツ	チン /	ムイ ー	モツ /
92	チンムイハイ	チン /	ムイ ー	ハイ ー
93	チンムイバー	チン /	ムイ ー	バー ー
94	チンムイトウウ	チン /	ムイ ー	トウウ ー
95	チンムイラム	チン /	ムイ ー	ラム ー
96	チンムイサウ	チン /	ムイ ー	サウ /
97	チンムイバイ	チン /	ムイ ー	バイ ㄨ
98	チンムイタム	チン /	ムイ ー	タム /
99	チンムイチン	チン /	ムイ ー	チン /

100	モツチャム	モツ 丯	チャム ー	
-----	-------	------	-------	--

Web版は [こちら](#)